

Phụ lục 1

KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THUỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2026/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với công chức, viên chức			Đối với hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo NQ14/NQ-HĐND		
			Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo ND 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)(đã bao gồm Kinh phí phụ cấp thu hút theo ND 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo ND 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng
			Tính chất nguồn 13	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18
I	Loại khoản 070 - 074							
1	Trường THPT Thái Phiên	1.179.739.000	1.140.054.000		39.685.000			
2	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	756.462.000	754.606.000		1.856.000			
3	Trường THPT Trần Phú	1.231.339.000	1.109.572.000		121.767.000			
4	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1.212.397.000	1.208.277.000		4.120.000			
5	Trường THPT Hòa Vang	722.980.000	692.681.000		30.299.000			
6	Trường THPT Phan Châu Trinh	1.905.730.000	1.804.522.000		101.208.000			
7	Trường THPT Tiểu La	1.541.146.000	1.377.057.000		164.089.000			
8	Trường THPT Quê Sơn	1.001.056.000	905.744.000		95.312.000			
9	Trường THPT Hiệp Đức	454.197.000	435.368.000		18.829.000			
10	Trường THPT Trần Cao Vân	853.436.000	854.441.000		(1.005.000)			
11	Trường THPT Núi Thành	916.628.000	864.429.000		52.199.000			
12	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	813.862.000	773.775.000	2.668.000	37.419.000			
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	556.421.000	508.744.000		47.677.000			
14	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	617.444.000	585.180.000		32.264.000			
15	Trường THPT Nông Sơn	448.534.000	401.479.000		35.421.000	4.519.000		7.115.000
16	Trường THPT Hoàng Diệu	599.931.000	577.832.000		22.099.000			
17	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	395.737.000	363.241.000		32.496.000			
18	Trường THPT Trần Quý Cáp	1.249.522.000	1.169.937.000	3.044.000	76.541.000			
19	Trường THPT Sào Nam	1.242.217.000	1.138.706.000		103.511.000			
20	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	678.823.000	617.826.000		60.997.000			
21	Trường THPT Chu Văn An	617.999.000	593.579.000		24.420.000			
22	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1.193.660.000	1.135.724.000		57.936.000			

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với công chức, viên chức			Đối với hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo NQ14/NQ-HĐND		
			Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)(đã bao gồm Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng
			Tính chất nguồn 13	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18
23	Trường THPT Thanh Khê	718.939.000	670.328.000		48.611.000			
24	Trường THPT Nguyễn Dục	1.086.557.000	997.226.000		89.331.000			
25	Trường THPT Tôn Thất Tùng	718.825.000	675.678.000		43.147.000			
26	Trường THPT Phan Bội Châu	1.753.456.000	1.615.686.000		137.770.000			
27	Trường THPT Trần Văn Dư	507.345.000	468.927.000		38.418.000			
28	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	402.904.000	342.207.000	39.314.000	21.383.000			
29	Trường THPT Tổ Hữu	430.767.000	371.982.000	32.679.000	26.106.000			
30	Trường THPT Cao Bá Quát	742.361.000	681.493.000		60.868.000			
31	Trường THPT Lương Thế Vinh	892.054.000	814.328.000	2.668.000	75.058.000			
32	Trường THPT Lý Tự Trọng	407.076.000	379.953.000		27.123.000			
33	Trường THPT Khâm Đức	613.450.000	438.778.000	133.176.000	41.496.000			
34	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	793.482.000	743.892.000		49.590.000			
35	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1.152.226.000	1.078.657.000	2.668.000	70.901.000			
36	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	502.180.000	464.856.000		24.817.000	5.670.000		6.837.000
37	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	679.021.000	641.051.000		37.970.000			
38	Trường THPT Phạm Phú Thứ	641.414.000	616.496.000		24.918.000			
39	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	941.610.000	871.581.000		70.029.000			
40	Trường THPT Nguyễn Huệ	756.382.000	710.200.000		46.182.000			
41	Trường THPT Nguyễn Khuyến	634.910.000	594.542.000		40.368.000			
42	Trường THPT Phan Thành Tài	745.605.000	702.803.000		42.802.000			
43	Trường THPT Ông Ích Khiêm	923.557.000	835.962.000		87.595.000			
44	Trường THPT Ngô Quyền	793.826.000	737.106.000		56.720.000			
45	Trường THPT Nguyễn Trãi	715.051.000	685.819.000		29.232.000			
46	Trường TH, THCS và THPT Ngũ Hành Sơn	671.492.000	627.536.000		43.956.000			
47	Trường THPT Nguyễn Hiền	960.012.000	882.834.000		77.178.000			
48	Trường THPT Nam Trà My	436.528.000	333.909.000	71.440.000	31.179.000			
49	Trường THPT Bắc Trà My	680.588.000	626.558.000		54.030.000			

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với công chức, viên chức			Đối với hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo NQ14/NQ-HĐND		
			Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở (LCS từ 2,34 trđ lên 2,53 trđ)(đã bao gồm Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP)	Kinh phí phụ cấp thu hút theo NĐ 140/2017/NĐ-CP, 76/2019/NĐ-CP	Qũy tiền thưởng
			Tính chất nguồn 13	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 12	Tính chất nguồn 18
50	Trường THPT Tây Giang	338.109.000	284.805.000	38.119.000	15.185.000			
51	Khiêm	905.699.000	854.670.000	8.003.000	43.026.000			
52	Trường THPT Trần Hưng Đạo	491.642.000	461.081.000		30.561.000			
53	Trường THPT Trần Phú - Việt An	406.823.000	354.190.000		29.734.000	9.224.000		13.675.000
54	Trường THPT Âu Cơ	392.954.000	274.602.000	87.042.000	16.724.000	5.881.680	1.867.320	6.837.000
55	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	407.877.000	343.944.000		26.415.000	17.006.000		20.512.000
56	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	348.223.000	238.847.000	48.693.000	15.230.000	19.339.040	5.601.960	20.512.000
57	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	392.827.000	300.535.000	86.940.000	5.352.000			
58	Trường THPT Duy Tân	751.616.000	686.626.000	2.668.000	62.322.000			
59	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	531.606.000	453.780.000	38.889.000	38.937.000			
60	Trường THPT Hùng Vương	684.934.000	646.364.000		38.570.000			
61	Trường THPT Cẩm Lệ	655.730.000	615.026.000		40.704.000			
62	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	834.170.000	798.352.000	11.047.000	24.771.000			
63	Trường THPT Liên Chiểu	500.183.000	475.665.000		24.518.000			
64	Trường THPT Võ Chí Công	435.151.000	402.251.000		32.900.000			
65	Trường THPT Hồ Nghinh	508.611.000	455.719.000		52.892.000			
66	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	284.307.000	202.957.000	23.942.000	9.005.000	22.360.280	5.530.720	20.512.000
67	Trường THPT Sơn Trà	577.935.000	518.813.000		59.122.000			
68	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	553.429.000	498.845.000		54.584.000			
II	Loại khoản 070 - 075	-	-		-			
1	Trung tâm GDTX Đà Nẵng	1.022.264.000	879.040.000		143.224.000			
III	Loại khoản 070 - 072	-	-		-			
1	Trung tâm HTPTGDHN Đà Nẵng	1.001.032.000	903.726.000		97.306.000			
IV	Loại khoản 340-341	-	-		-			
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	674.000.000	611.000.000		63.000.000			
	TỔNG CỘNG	53.190.000.000	48.884.000.000	633.000.000	3.480.000.000	84.000.000	13.000.000	96.000.000